



Vocabulary List 单字表

Story Title in the Dim Sum Warriors App:

“Merry Eggsmas!” 《生蛋快乐！》

				Do I know this word? 我认识这个词吗?		
				Yes 懂	Maybe 大概懂	No 不懂
1	be into something / like	喜欢	xǐ huān			
2	joking	开玩笑	kāi wán xiào			
3	decorations	装饰	zhuāng shì			
4	music	音乐	yīn yuè			
5	trick	骗人	piàn rén			
6	again	又	yòu			
7	not real	假的 / 不是真的	jiǎ de/ bú shì zhēn de			
8	headquarters	总部	zǒng bù			
9	all over the world	全世界	quán shì jiè			
10	creepy	毛毛的	máo máo de			
11	check	确认	què rèn			
12	the end of the year	年底	nián dǐ			
13	magical	神奇	shén qí			
14	sleigh	雪橇	xuě qiāo			
15	chimney	烟囱	yān cōng			
16	permission	同意	tóng yì			
17	burglar	小偷	xiǎo tōu			
18	leave behind	留下	liú xià			
19	presents	礼物	lǐ wù			
20	socks	袜子	wà zi			
21	teeny-tiny	一丁点	yì dīng diǎn			
22	unfair	不公平	bù gōng píng			
23	afford	买得起	mǎi dé qǐ			
24	sometimes	有时候	yǒu shí hòu			
25	share	分享	fēn xiǎng			